

Số: 02/2021/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 06 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai**

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (“Công ty”) và các quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty, tiêu chí lựa chọn như sau:

- Là công ty kiểm toán quốc tế hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết năm 2021;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán và có kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng, công ty niêm yết và các tổ chức ngân hàng, tài chính lớn tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua hai nội dung sau:

1. Danh sách đơn vị dự kiến thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty như sau:
  - Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam);
  - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte);
  - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY Việt Nam);
  - Công ty TNHH KPMG;
  - Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị được quyền ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc dưới đây:
  - 2.1. Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2021 trong Danh sách nêu trên phù hợp với tình hình thực tế trong năm.
  - 2.2. Triển khai hoặc giao Ban Tổng Giám đốc triển khai các công việc, thủ tục cần thiết có liên quan để ký kết, thực hiện Hợp đồng dịch vụ với đơn vị kiểm toán được lựa chọn theo đúng quy định hiện hành.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



VŨ ĐÌNH ĐỘ





Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Trụ sở: Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, TP Biên Hòa,  
Tỉnh Đồng Nai.

Tel: 0251 383 1168

Website: [www.dnpcorp.vn](http://www.dnpcorp.vn)

Số: 04/2021/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 06 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: **Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020,  
Thù lao Hội đồng quản trị năm 2020 và Kế hoạch tổng mức thù lao năm 2021**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai**

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm 2020 của Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai, Hội đồng Quản trị Công ty (“**HĐQT**”) kính trình Đại hội đồng Cổ đông (“**DHĐCĐ**”) thông qua các nội dung về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, thù lao HĐQT 2020 và Kế hoạch năm 2021 như sau:

### I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

TT	Chỉ tiêu – Báo cáo tài chính riêng	ĐVT	Thực hiện 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	1.869.955.286.928
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Đồng	12.050.372.533
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	12.050.372.533
4	Lợi nhuận giữ lại bổ sung vốn hoạt động của công ty	Đồng	12.050.372.533
5	Tỷ lệ cổ tức năm 2020	%	0

### II. Báo cáo kết quả chi trả thù lao Hội đồng Quản trị năm 2020 và Kế hoạch tổng mức thù lao năm 2021

HĐQT kính trình DHĐCĐ thông qua tổng mức thù lao đã chi trả cho các thành viên HĐQT trong kỳ năm 2020 và kế hoạch tổng mức thù lao HĐQT kỳ năm 2021 như sau:

- Các thành viên HĐQT được hưởng thù lao: Chi trả thù lao cho các Thành viên HĐQT không làm việc chuyên trách tại Công ty và các đơn vị thành viên của Công ty.
- Tổng thù lao cho các thành viên HĐQT đã chi trả trong kỳ năm 2020 (thực hiện từ tháng 5/2020 đến hết tháng 4/2021): **120.000.000 VNĐ** (Một trăm hai mươi triệu đồng).
- Kế hoạch tổng thù lao cho các thành viên HĐQT thực hiện trong kỳ năm 2021 (thực hiện từ tháng 5/2021 đến hết tháng 4/2022): **120.000.000 VNĐ** (Một trăm hai mươi triệu đồng).

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.**



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT,



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**VŨ ĐÌNH ĐỘ**





Số: 05/2021/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 06 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2021

**Kính gửi:** Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty, cụ thể như sau:

### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai;
- Căn cứ tình hình và nhu cầu hoạt động thực tế của Công ty.

### II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM 2021

#### A. Thông tin chung về cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

- |                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| - Tên cổ phiếu                    | : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai |
| - Loại cổ phiếu                   | : Cổ phiếu phổ thông                     |
| - Mệnh giá                        | : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu      |
| - Vốn điều lệ hiện hành           | : 1.091.544.930.000 đồng                 |
| - Số lượng cổ phiếu đã phát hành  | : 109.154.493 cổ phiếu                   |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ           | : 8.810 cổ phiếu                         |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | : 109.145.683 cổ phiếu                   |

#### B. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

##### 1. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu



- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 10.914.568 cổ phiếu.
- Loại cổ phiếu phát hành : cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được mua 1 cổ phiếu)
- Tổng giá trị theo mệnh giá : 109.145.680.000 đồng (Một trăm linh chín tỷ, một trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).
- Đối tượng phát hành: cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp theo quy định.
- Phương án sử dụng vốn : Bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.
- Thời gian thực hiện dự kiến : Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời gian cụ thể sau khi nhận được quyết định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giá chào bán : 20.698 đồng/cổ phiếu
- Căn cứ đề xuất mức giá chào bán: Căn cứ giá trị sổ sách, giá thị trường và tiềm năng phát triển của công ty Hội đồng quản trị đề xuất mức giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 20.698 đồng/cổ phiếu.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền (nếu có):

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ (nếu có) và số cổ phiếu còn dư mà cổ đông không mua hết (nếu có), Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng, số lượng phân phối nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Mức giá bán cổ phiếu còn dư, cổ phiếu lẻ không thấp hơn 20.698 đồng/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu này (nếu có) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 1.207 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Theo tỷ lệ thực hiện quyền số cổ phiếu cổ đông A được mua là:

$$1.207 : 10 \times 1 = 120,7$$

Theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế cổ đông A được mua là **120** cổ phiếu.

- Quyền mua cổ phiếu chỉ được phép chuyển nhượng 01 lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba. Cổ phiếu phát hành không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Các cổ đông sở hữu cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được quyền mua cổ phiếu từ đợt phát hành này. Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền.

## 2. Mức độ pha loãng cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành

Việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ gây ra rủi ro pha loãng giá cổ phiếu, pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

- Pha loãng giá cổ phiếu:

- ✓ Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu đối với phát hành cho cổ đông hiện hữu: Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá bán cổ phiếu thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán. Theo đó, công thức tính như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I_1 \times P_{R1})}{1 + I_1 + I_2 + I_3}$$

Trong đó:

$P_{tc}$	:	Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền
$PR_{t-1}$	:	Giá tham chiếu trước điều chỉnh
$P_{R1}$	:	Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu
$I_1$	:	Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu
$I_2$	:	Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ tức bằng cổ phiếu
$I_3$	:	Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ phiếu ESOP

Theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, nếu giá phát hành cổ phiếu cao hơn giá đóng cửa của cổ phiếu trong ngày giao dịch liền trước ngày không hưởng quyền thì không điều chỉnh giá phần pha loãng phát hành cho cổ đông hiện hữu.

- Rủi ro pha loãng EPS

Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên một cổ phiếu:

EPS = Lợi nhuận sau thuế/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân

$$SL \text{ cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X*12 + Y*t}{12}$$

✓ X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành

✓ Y: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm

✓ t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

- Về pha loãng giá trị sổ sách

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV = NVCSH / (Q-CPQ)$$

Trong đó:

- ✓ NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông
- ✓ Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán
- ✓ CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ
- ✓ BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) có thể thay đổi do sự thay đổi của Q và tốc độ tăng của NVCSH.

- Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Do việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu, nên không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Trong trường hợp cổ đông từ bỏ hoặc chuyển nhượng quyền có thể làm giảm tỷ lệ sở hữu, giảm tỷ lệ biểu quyết tương ứng.

### C. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Ngoại trừ các nội dung được ủy quyền riêng biệt nêu trên, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền xem xét, quyết định và triển khai thực hiện các công việc sau:

- Chủ động lựa chọn thời điểm phát hành, quyết định các đợt phát hành, sau khi có sự chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành để đảm bảo đợt phát hành thành công, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước, đúng quy định pháp luật.
- Lập kế hoạch chi tiết sử dụng vốn và điều chỉnh Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (trong trường hợp cần thiết, phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty) và thực hiện các thủ tục liên quan đến Công bố thông tin theo đúng quy định. Ủy quyền HĐQT Quyết định việc tạm thời sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành vào mục đích khác khi chưa đến hạn sử dụng vào các mục đích sử dụng vốn của phương án này.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh, thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
- Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm.
- Ủy quyền cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục sửa đổi Điều lệ, đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan và triển khai thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để hoàn tất việc phát hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

2501  
TY  
AN  
A  
VAI  
ĐÓN



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**VŨ ĐÌNH ĐỘ**





Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Trụ sở: Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, TP Biên Hoà,  
Tỉnh Đồng Nai.

Tel: 0251 383 1168

Website: [www.dnpcorp.vn](http://www.dnpcorp.vn)

Số: 06/2021/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 06 năm 2021

## TỜ TRÌNH

(V/v: Một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông)

**Kính gửi:** Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai;
- Trên cơ sở nhu cầu hoạt động và tình hình thực tiễn của Công ty,

Năm 2021 được dự báo là một năm có nhiều chuyển biến, thách thức về môi trường kinh doanh liên quan, ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai ("Công ty"). Vì vậy, nhằm đảm bảo sự linh hoạt trong việc quản trị, điều hành hoạt động của Công ty và chủ động nắm bắt những cơ hội kinh doanh, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền như sau:

### 1. Thông qua chủ trương về các giao dịch có liên quan:

- 1.1. Thông qua chủ trương về việc Công ty được ký kết và thực hiện các hợp đồng hoặc giao dịch với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 và/hoặc quy định tại Khoản 4, 5 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.
- 1.2. Thông qua chủ trương về việc Công ty cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh và ký kết các hợp đồng, hồ sơ liên quan đến việc cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho công ty con, công ty liên kết và các đơn vị thành viên khác (nếu có) của Công ty.
- 1.3. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai thực hiện nội dung này theo nguyên tắc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty; tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định tại Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

### 2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét quyết định, thực hiện một số quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 – 2022 như sau:

- 2.1. Chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh và ngân sách hoạt động kinh doanh năm 2021 – 2022 cho phù hợp với diễn biến thị trường, chính sách kinh tế vĩ mô và quy định của pháp luật;
- 2.2. Chủ động triển khai các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong trường hợp phát sinh bất kỳ vấn đề gì liên quan đến các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khác thì Hội đồng Quản trị được toàn quyền quyết định, xử lý mà không cần phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT,



VŨ ĐÌNH ĐỘ





Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

Trụ sở: Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, TP Biên Hòa,  
Tỉnh Đồng Nai.

Tel: 0251 383 1168

Website: [www.dnpcorp.vn](http://www.dnpcorp.vn)

Số: 08/2021/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 06 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty thay thế bản Quy chế hiện tại

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai;
- Căn cứ tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (“Công ty”) xem xét thông qua việc thay thế Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty để cập nhật những thay đổi của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019. Đồng thời, Quy chế nội bộ về quản trị mới (đính kèm cùng Tờ trình này) cũng đã được Hội đồng quản trị đồng bộ với những thay đổi đang được đệ trình để sửa đổi, bổ sung tại Điều lệ Công ty theo Tờ trình số 03/2021/TTr-HĐQT ngày 25/06/2021 của Hội đồng Quản trị.

Cụ thể, các nội dung Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua bao gồm:

1. Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty được đính kèm Tờ trình này thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty đang có hiệu lực.
2. Giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị được chủ động hoàn thiện, điều chỉnh các quy định (nếu có) và ký, ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty mới theo đúng quy định sau khi bản Quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT,



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



*(Dự thảo đính kèm Tờ trình số 08/2021/TTr-HĐQT ngày 25 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)*

# QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

## CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

*Đồng Nai - năm 2021*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Giải thích từ ngữ .....	4
Điều 3. Nguyên tắc quản trị.....	5
Điều 4. Cơ cấu tổ chức, quản trị.....	6
<b>CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	6
Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông .....	6
Điều 7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	6
Điều 8. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 9. Cách thức biểu quyết .....	8
Điều 10. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu .....	8
Điều 11. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	9
Điều 12. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông .....	10
Điều 13. Hiệu lực các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 14. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản .....	11
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	11
Điều 15. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	11
Điều 16. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	11
Điều 17. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị .....	12
Điều 16. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị .....	13
Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	14
Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	14
Điều 20. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	14
Điều 21. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	14
<b>CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	15
Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....	15
Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	15
Điều 24. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.....	16
Điều 25. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	16
Điều 26. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 27. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	17
Điều 28. Thông báo về biên bản và nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	17
Điều 29. Người phụ trách quản trị Công ty .....	18
<b>CHƯƠNG VI. CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	19
Điều 30. Thành lập và nguyên tắc hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.....	19
Điều 31. Cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.....	19
<b>CHƯƠNG VII. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY</b> .....	19
Điều 32. Các tiêu chuẩn và điều kiện của người điều hành Công ty .....	19
Điều 33. Bổ nhiệm người điều hành Công ty .....	19
Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty .....	20
Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty .....	20
<b>CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....	20

Điều 36. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc .....	20
Điều 37. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc .....	20
Điều 38. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.....	20
Điều 39. Báo cáo của Tổng Giám Đốc với Hội đồng quản trị.....	21
Điều 40. Các vấn đề Tổng Giám Đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị.....	21
Điều 41. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc..	22
<b>CHƯƠNG X. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT .....</b>	<b>22</b>
Điều 42. Khen thưởng và kỷ luật.....	22
Điều 43. Điều chỉnh quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật.....	23
<b>CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....</b>	<b>23</b>
Điều 44. Bổ sung và sửa đổi Quy Chế Quản Trị.....	23
Điều 45. Hiệu lực .....	23

## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;*

*Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai năm 2021,*

Quy Chế Nội Bộ Về Quản Trị Công ty này (“**Quy Chế Quản Trị**”) được ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai năm 2021, gồm các nội dung sau:

### CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy Chế Quản Trị này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Quy Chế Quản Trị này được áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc và những người liên quan.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Quy Chế Quản Trị này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a) “**Công ty**” là Công ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai.
  - b) “**Điều lệ**” là Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.
  - c) “**Vốn Điều lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được quy định tại Điều lệ.
  - d) “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.



- e) “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
  - f) “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
  - g) “**Người quản lý Công ty**” hoặc “**Người quản lý**” là người quản lý Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc của Công ty.
  - h) “**Người điều hành Công ty**” hoặc “**Người điều hành**” là người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, và Kế Toán Trưởng Công ty.
  - i) “**Người có liên quan**” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.
  - j) “**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
  - k) “**Luật Chứng Khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
  - l) “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
2. Trong Quy Chế Quản Trị này, việc tham chiếu đến bất kỳ văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản đó.
  3. Các tiêu đề (Điểm, Khoản, Điều, Mục, Chương của Quy Chế Quản Trị này) được sử dụng nhằm thuận tiện theo dõi cho việc đọc hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến việc diễn giải ý nghĩa của Quy Chế Quản Trị này.
  4. Trừ trường hợp Quy Chế Quản Trị này có định nghĩa khác, các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Quy Chế Quản Trị này sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều lệ Công ty, Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

### **Điều 3. Nguyên tắc quản trị**

Quy Chế Quản Trị này được xây dựng dựa trên cơ sở các nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

1. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị Công ty.
2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý.
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.
4. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ.
5. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.
6. Đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông.
7. Giám sát và ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
8. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
9. Các nguyên tắc quản trị khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

#### **Điều 4. Cơ cấu tổ chức, quản trị**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
3. Ban Tổng Giám Đốc.

### **CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 13 Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Việc triệu tập và tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường được thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
2. Người triệu tập họp có thể lựa chọn tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp với thực tiễn và đảm bảo tính hiệu quả của cuộc họp bằng một trong các hình thức hoặc kết hợp giữa các hình thức dưới đây:
  - (i) Tổ chức họp trực tiếp và tập trung tại một địa điểm;
  - (ii) Tổ chức họp trực tuyến thông qua các phương tiện liên lạc điện tử và sử dụng mạng internet;
  - (iii) Tổ chức họp trên điện thoại hoặc các phương tiện liên lạc khác.
3. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
4. Công ty chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, ngoại trừ những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật chứng khoán.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ

đồng trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông..

#### **Điều 8. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự, ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác đại diện của mình tham dự họp hoặc dự họp Đại hội đồng cổ đông thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 5 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và tuân thủ theo các quy định sau đây:
  - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; Tại các cuộc họp mà do Hội đồng quản trị triệu tập, Hội đồng quản trị có thể ban hành quy chế cụ thể bằng văn bản cho phép việc ủy quyền qua điện thoại, fax hoặc email nếu đảm bảo được việc xác nhận được và lưu trữ được nội dung ủy quyền.
  - b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thực hiện ủy quyền cho người khác dự họp thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
  - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền hợp lệ của cổ đông cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Quy định về phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp tại khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
5. Cổ đông được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- e) Tham gia biểu quyết bằng các hình thức khác phù hợp với quy định của Công ty và pháp luật hiện hành (nếu có).

### **Điều 9. Cách thức biểu quyết**

1. Đối với một số nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội hoặc các nội dung khác theo đề xuất của Chủ tọa, cổ đông có thể được phát thẻ biểu quyết trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Cổ đông thực hiện biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ theo từng nội dung xin ý kiến của Chủ tọa Đoàn.
2. Đối với những nội dung các nghị quyết, quyết định thuộc các Báo cáo, Tờ trình mà Hội đồng Quản trị trình, xin ý kiến, Đại hội đồng cổ đông sẽ biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Cổ đông hoặc đại diện được cổ đông ủy quyền dự họp được phát 1 hoặc nhiều phiếu biểu quyết trên đó tích hợp 1 hoặc nhiều nội dung cần biểu quyết (hiệu lực của mỗi nội dung độc lập với nhau). Cổ đông hoặc đại diện được cổ đông ủy quyền dự họp thực hiện việc biểu quyết bằng cách lựa chọn phương án tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng nội dung được lấy ý kiến.

3. Trong trường hợp cuộc họp được tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc thông qua các phương tiện điện tử khác, việc biểu quyết có thể được thực hiện bằng cách thức bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử phù hợp với Quy chế Hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử của Công ty trong từng thời kỳ (nếu có).
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều lệ Công ty.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi đáp ứng các tỷ lệ biểu quyết tán thành được quy định của Điều lệ theo từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 10. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu**

1. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Trưởng Ban Kiểm Phiếu và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu hoặc sau khoảng thời gian bỏ phiếu nhất định theo quy định, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Cổ đông hoặc đại diện được cổ đông ủy quyền dự họp tiến hành bỏ phiếu vào thùng phiếu tương ứng. Sau khi kết thúc bỏ phiếu, thùng phiếu sẽ được niêm phong trước sự chứng kiến của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay khi việc bỏ phiếu và niêm phong thùng phiếu kết thúc.
3. Ban Kiểm Phiếu thực hiện kiểm phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội đồng cổ đông.
4. Ban Kiểm Phiếu thực hiện việc kiểm phiếu theo quy định sau:
  - a) Ban Kiểm Phiếu làm việc tại khu vực được bố trí riêng;
  - b) Ban Kiểm Phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
  - c) Kiểm tra tính hợp lệ của phiếu biểu quyết;

- d) Kiểm tra lần lượt từng phiếu biểu quyết và ghi kết quả kiểm phiếu;
  - e) Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm Phiếu niêm phong toàn bộ Phiếu biểu quyết và bàn giao lại cho Chủ tọa.
5. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:
- a) Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm Phiếu lập Biên bản kiểm phiếu.
  - b) Nội dung Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:
    - Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
    - Thành viên Ban Kiểm Phiếu;
    - Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
    - Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
    - Số và tỷ lệ phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và không hợp lệ;
    - Số và tỷ lệ số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến cho từng vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;
    - Số phiếu bầu cho từng ứng cử viên ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị.
  - c) Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm Phiếu.
6. Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban Kiểm Phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.
7. Đối với các nội dung thực hiện biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ, kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
8. Trường hợp thực hiện bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử, kết quả bỏ phiếu sẽ do Đơn vị đó thống kê và cung cấp để Ban Kiểm phiếu tổng hợp lại và thông báo phù hợp với Quy chế Hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử của Công ty trong từng thời kỳ (nếu có).

#### **Điều 11. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại và gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề nêu trên. Công ty phải mua lại cổ phần trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông với giá mua lại theo giá trị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Công ty có quyền giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
2. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 10 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại

khoản 7 Điều 16 Điều lệ Công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

## **Điều 12. Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 150 của Luật Doanh Nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thì biên bản họp có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Trên cơ sở căn cứ vào nội dung Biên bản Đại hội đồng cổ đông với các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm ban hành Nghị quyết tương ứng, thời hạn ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong cùng ngày với ngày Biên bản Đại hội đồng cổ đông được thông qua.
6. Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
7. Toàn bộ Biên bản, Nghị quyết, danh sách cổ đông tham dự họp, phiếu biểu quyết và biên bản kiểm phiếu và các tài liệu có liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 13. Hiệu lực các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ.
3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 14. Thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ.

### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ. Cụ thể là các trách nhiệm sau:
  - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
  - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
  - e) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý, điều hành khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty.

#### **Điều 16. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tại mỗi cuộc họp để bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới, Đại hội cổ đông phải quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ đó.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

### **Điều 17. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị, tương ứng là một (01) hoặc hai (02) hoặc ba (03) người tùy vào trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định là năm (05) người hoặc từ sáu (06) đến tám (08) người hoặc từ chín (09) đến mười một (11) người.
2. Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan đó.
4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ tương tự như thành viên Hội đồng quản trị khác.

### **Điều 16. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố phải bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- e) Các lợi ích liên quan đến Công ty và các bên liên quan của Công ty (nếu có);
- f) Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông ứng cử, đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, cụ thể:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.



Ngoài ra, trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 11 người, cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quyền ứng cử, đề cử theo quy định tại Điều lệ này sẽ được quyền đề cử thêm một (01) ứng viên nữa, tương ứng cho mỗi mốc tỷ lệ nắm giữ đã được phân chia cụ thể ở trên.

3. Cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có thể gộp số phiếu có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy Chế Quản Trị này.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

### **Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều lệ. Cụ thể:
  - a) Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết bằng tích của số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.
  - b) Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.
  - c) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc do hai ứng cử viên đó hiệp thương đạt được kết quả một người rút lui, trường hợp này phải có xác nhận bằng văn bản của người rút lui gửi Ban kiểm phiếu.
2. Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị được Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông in sẵn với danh sách các ứng cử viên và được đóng dấu Công ty. Phiếu bầu có ghi số đăng ký, họ tên của cổ đông, họ tên đại diện được ủy quyền và số phiếu bầu của cổ đông đó đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu vào Hội đồng quản trị.
3. Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a) Phiếu bầu không phải do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông phát ra (không theo mẫu và không có dấu Công ty);
  - b) Phiếu bầu bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
  - c) Phiếu bầu ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
  - d) Phiếu bầu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
  - e) Phiếu bầu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó được quyền bầu;
  - f) Phiếu bầu nộp cho Ban Kiểm Phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong;
  - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ (nếu có).

### **Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - i. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ;
  - ii. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a) và điểm b) khoản 7 Điều 23 Điều lệ Công ty.

### **Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Công ty phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị cho các cơ quan chức năng và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định.

### **Điều 20. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể bầu thêm một hoặc một số Phó Chủ tịch. Hội đồng quản trị có quyền bãi miễn chức danh Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị mà mình bầu ra. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và quyền hạn khác trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.
3. Trường hợp cả Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

### **Điều 21. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:
  - a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc biểu quyết đa số. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
  - c) Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## **CHƯƠNG IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 22. Thông báo họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường khi xét thấy cần thiết. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
  - b) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 2 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
5. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung cần thảo luận, kèm theo những tài liệu cần thiết (nếu có) về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết của thành viên (trừ trường hợp Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề cần biểu quyết bằng hình thức giờ tay hoặc các hình thức khác không phải là bỏ phiếu kín).

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

### **Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư,

fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp thành viên đó (1) tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; (2) hoặc ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; (3) hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; (4) hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp có mặt.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc các hình thức khác theo quy định khoản này được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực như các quyết định được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

#### **Điều 24. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp (họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến hoặc họp qua điện thoại hoặc các hình thức khác) hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (gửi văn bản lấy ý kiến bằng đường chuyển phát nhanh, gửi văn bản lấy ý kiến qua fax, qua email hoặc các hình thức khác).
2. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp Điều lệ hoặc quy định pháp luật liên quan có quy định khác.

#### **Điều 25. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu biểu quyết của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

#### **Điều 26. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
2. Việc ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị

trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho người khác thì phải thông báo cho tất cả các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.

#### **Điều 27. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi hình và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
  - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - c) Thời gian, địa điểm họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (nếu có);
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, thể hiện được đầy đủ nội dung cuộc họp. Trường hợp cần thiết theo quyết định của Hội đồng quản trị, nội dung một cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được lập thành nhiều biên bản với điều kiện tất cả các biên bản phải thể hiện được đầy đủ toàn bộ nội dung của cuộc họp đó. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
5. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
6. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp và Nghị quyết của Hội đồng quản trị cùng tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 28. Thông báo về biên bản và nghị quyết của Hội đồng quản trị**

1. Các bản sao, trích lục biên bản họp, nghị quyết của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký;

2. Các bản sao, trích lục biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng quản trị được đóng dấu Công ty và chỉ lưu hành trong nội bộ Công ty, trừ trường hợp thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật hoặc được sử dụng cho các mục đích liên quan đến việc thực hiện các giao dịch, công việc đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua theo thẩm quyền.

### **Điều 29. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Hội đồng Quản trị.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
  - a) Có hiểu biết về pháp luật;
  - b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
  - c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị Công ty;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ (nếu có).
4. Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
5. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
  - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
  - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d) Tham dự các cuộc họp;
  - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
  - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
  - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
6. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:  
Công ty phải thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định pháp luật.

## CHƯƠNG VI. CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 30. Thành lập và nguyên tắc hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị.

### Điều 31. Cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

## CHƯƠNG VII. NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

### Điều 32. Các tiêu chuẩn và điều kiện của người điều hành Công ty

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc:
  - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
  - b) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và quy định của Hội đồng quản trị tại từng thời kỳ (nếu có).
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của những người điều hành khác của Công ty: phù hợp với quy định của pháp luật và cơ cấu Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

### Điều 33. Bổ nhiệm người điều hành Công ty

1. Tổng Giám đốc Công ty:
  - a) Công ty có 01 (một) Tổng Giám Đốc. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
  - b) Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
  - c) Tổng Giám đốc có các quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Người điều hành khác do Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật của Công ty bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm với số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ các hoạt động và tổ chức của Công ty nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

#### **Điều 34. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm người điều hành Công ty;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ (nếu có).
2. Người điều hành Công ty có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Tổng Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng lao động và quy định của pháp luật.

#### **Điều 35. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty**

Công ty phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành Công ty theo quy định pháp luật.

### **CHƯƠNG VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 36. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám Đốc**

1. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải có thể mời thành viên Ban Tổng giám đốc tham dự để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Ban Tổng giám đốc được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.
2. Tại các cuộc họp Ban Tổng giám đốc, Tổng Giám Đốc có thể mời thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) tham dự để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị được mời tham dự cuộc họp Ban Tổng giám đốc có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề phải thống nhất giữa các thành viên Ban Tổng giám đốc.
3. Thông báo mời họp phải được gửi chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp.

#### **Điều 37. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc**

Bản sao các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành được gửi đến Tổng Giám Đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 38. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.**

Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình có thể gửi văn bản đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 22 Quy Chế Quản Trị khi xảy ra các vấn đề sau:

1. Phát hiện các vấn đề cần phải xem xét lại về sự phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng



quản trị đối với quy định của Điều lệ, Quy Chế Quản Trị và quy định của pháp luật hiện hành;

2. Phát sinh các vấn đề vượt ngoài thẩm quyền của Tổng giám đốc trong hoạt động điều hành
3. Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
4. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ.

### **Điều 39. Báo cáo của Tổng Giám Đốc với Hội đồng quản trị**

1. Tổng Giám Đốc có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
2. Ngoài các trách nhiệm nêu tại Khoản 1 Điều này, Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - a) Các giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - b) Các giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc cổ đông lớn.
3. Định kỳ hàng tháng, Tổng Giám Đốc phải tổ chức họp Ban Tổng giám đốc để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề khác được ủy quyền bởi Hội đồng quản trị. Biên bản họp phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn và tham chiếu thông tin vào các báo cáo của Ban Tổng giám đốc.
4. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
5. Khi phát sinh những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, Tổng Giám đốc cần báo cáo với Hội đồng quản trị để được chỉ đạo xử lý kịp thời.
6. Tổng Giám đốc có quyền không thi hành hoặc bảo lưu ý kiến của mình đối với các nghị quyết của Hội đồng quản trị trái quy định của pháp luật, vi phạm Điều lệ và báo cáo với Hội đồng quản trị bằng văn bản để xử lý kịp thời. Hội đồng quản trị có quyền đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Tổng Giám đốc trái quy định của pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
7. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng giám đốc và những người điều hành Công ty khác báo cáo về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
8. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong từng thời kỳ, Tổng Giám đốc phải báo cáo và có kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

### **Điều 40. Các vấn đề Tổng Giám Đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị**

1. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty và/hoặc các nội dung khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc

gửi đề xuất cho Hội đồng quản trị ít nhất 07 (bảy) trước ngày biện pháp và/hoặc nội dung đó cần được phê duyệt.

2. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về hoạt động của Công ty. Ban Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty phải cung cấp các thông tin, tài liệu trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp, không được sử dụng các thông tin, tài liệu chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 41. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

1. Các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin với nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của các thành viên phù hợp với quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.
2. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ; Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện đó.
3. Trường hợp phát sinh các vấn đề khẩn cấp thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc, Các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Tổng giám đốc có thể trao đổi bằng cách gặp gỡ trực tiếp, trao đổi thông qua điện thoại hoặc email để được giải quyết vấn đề một cách kịp thời, hiệu quả.

### **CHƯƠNG X. KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

#### **Điều 42. Khen thưởng và kỷ luật**

1. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền đánh giá hoạt động, ra quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thẩm quyền đánh giá hoạt động, ra quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Ban Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty.
2. Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được phân công, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty phải tự lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm và trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá.
3. Căn cứ vào kế hoạch đề ra của mỗi năm, Hội đồng quản trị xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, và Hội đồng quản trị xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty.
4. Việc đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật phải được thực hiện một cách khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng người. Kết quả đánh giá của lần trước phải được lưu trữ và làm cơ sở cho lần đánh giá tiếp theo.
5. Phương thức đánh giá: Tùy thuộc vào quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- a) Tự nhận xét, đánh giá;
- b) Tổ chức lấy ý kiến nhận xét và/hoặc phiếu tín nhiệm;
- c) Phương thức khác do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời điểm.

#### **Điều 43. Điều chỉnh quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng, kỷ luật**

Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh, bổ sung quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty.

### **CHƯƠNG XI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 44. Bổ sung và sửa đổi Quy Chế Quản Trị**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy Chế Quản Trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy Chế Quản Trị này hay Điều lệ Công ty hoặc trong trường hợp có các quy định mới của pháp luật khác với các điều khoản trong Quy Chế Quản Trị này dẫn đến việc các quy định tại Quy Chế Quản Trị vi phạm những quy định mới của pháp luật thì các quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty thay cho các quy định tại Quy Chế Quản Trị.

#### **Điều 45. Hiệu lực**

1. Bản Quy Chế Quản Trị được Đại hội đồng cổ đông của Công ty nhất trí thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy Chế Quản Trị này.
2. Quy Chế Quản Trị được lập thành 03 (ba) bản, có giá trị pháp lý như nhau.
3. Quy Chế Quản Trị là duy nhất và chính thức của Công ty. Trường hợp các nội dung tại Quy chế này không phù hợp hoặc mâu thuẫn với những nội dung tại Điều lệ Công ty, các nội dung tại Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.
4. Các bản sao hoặc trích lục Quy Chế Quản Trị có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám Đốc của Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**VŨ ĐÌNH ĐỘ**



Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai  
Trụ sở: Đường số 9, KCN Biên Hoà 1, TP Biên Hòa,  
Tỉnh Đồng Nai.

Tel: 0251 383 1168  
Website: [www.dnpcorp.vn](http://www.dnpcorp.vn)

Số: 09/2021/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 25 tháng 06 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai;
- Căn cứ tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty,

Trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

1. Thông qua toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty được đính kèm Tờ trình này.
2. Giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị được chủ động hoàn thiện, điều chỉnh các quy định (nếu có) và ký, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo đúng quy định sau khi toàn văn Quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT,



VŨ ĐÌNH ĐỘ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----



*(Đã thảo định kèm Tờ trình số 09/2021/TTr-HĐQT ngày 25 tháng 06 năm 2021 của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)*

## **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI**

*Đồng Nai - năm 2021*

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ.....	3
<b>CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>4</b>
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	6
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	6
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	7
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>7</b>
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	7
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng/ giao dịch liên quan .....	8
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	8
Điều 15. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.....	9
Điều 16. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.....	9
<b>CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>9</b>
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	9
<b>CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....</b>	<b>12</b>
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm .....	12
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	12
<b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....</b>	<b>13</b>
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị .....	13
Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành .....	13
<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>13</b>
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	13

# QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai năm 2021,*

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai được ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai năm 2021, bao gồm các nội dung sau:

## CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

### Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “**Vốn Điều lệ**” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được quy định tại Điều lệ;
- b) “**Công ty**” là Công ty Cổ Phần Nhựa Đồng Nai;
- c) “**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- d) “**Luật Chứng Khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

- e) “**Người quản lý Công ty**” hoặc “**Người quản lý**” là người quản lý Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc của Công ty;
  - f) “**Người điều hành Công ty**” hoặc “**Người điều hành**” là người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, và Kế Toán Trưởng Công ty
  - g) “**Người có liên quan**” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán;
  - h) “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
2. Trong Quy chế này, việc tham chiếu đến bất kỳ văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản đó.
3. Các tiêu đề (Điểm, Khoản, Điều, Mục, Chương của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện theo dõi cho việc đọc hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến việc diễn giải ý nghĩa của Quy chế này.
4. Trừ trường hợp Quy chế này có định nghĩa khác, các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này sẽ có nghĩa tương tự như trong Điều lệ Công ty, Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

## **CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.

### **Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- 2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định.
- 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
- 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị, tương ứng là một (01) hoặc hai (02) hoặc ba (03) người tùy vào trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định là năm (05) người hoặc từ sáu (06) đến tám (08) người hoặc từ chín (09) đến mười một (11) người.

### **Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;



- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
  - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác;
  - d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
  - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
  - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố dè, bố nuôi, mẹ dè, mẹ nuôi, con dè, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
  - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
  - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
  - f) Các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

#### **Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và quyền hạn khác trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên

còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Hội đồng quản trị với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
7. Thư ký Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quyền, nghĩa vụ khác trên cơ sở quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

#### **Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện sau đây:
  - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty;
  - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ Công ty;
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày để bầu bổ sung/ thay thế thành viên Hội đồng Quản trị khi Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
6. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và 5 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
  - a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
  - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% đến 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên, từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên.

Ngoài ra, trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 11 người, cổ đông hoặc

nhóm cổ đông được quyền ứng cử, đề cử theo quy định tại Điều lệ này sẽ được quyền đề cử thêm một (01) ứng viên nữa, tương ứng cho mỗi mốc tỷ lệ nắm giữ đã được phân chia cụ thể ở trên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị theo quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc do hai ứng cử viên đó hiệp thương đạt được kết quả một người rút lui, trường hợp này phải có xác nhận bằng văn bản của người rút lui gửi Ban kiểm phiếu.

#### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
  - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
  - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
  - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị của Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

**Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng/ giao dịch liên quan**

Thẩm quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng/giao dịch liên quan được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Đồng thời, Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ khác trong phạm vi ủy quyền tại nghị quyết/ quyết định Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

**Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - c) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;
  - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên (nếu đã xác định được trước ứng viên) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
  - f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - g) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 15. Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán. Hoạt động của Ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Số lượng thành viên của Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong Ủy ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng Ủy ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Nghị quyết của Ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của Ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 16. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị**

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên do Hội đồng Quản trị xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.
3. Hội đồng Quản trị xây dựng cơ chế và ban hành các văn bản, chính sách liên quan đến tổ chức, hoạt động của Ủy ban kiểm toán đảm bảo tính hiệu quả theo đúng quy định pháp luật.

### **CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - b) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
  - c) Có đề nghị của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời

họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (trừ trường hợp Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề cần biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc các hình thức khác không phải là bỏ phiếu kín).

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Biểu quyết:
  - a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
  - b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ vẫn được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c) Phụ thuộc vào quy định tại điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
  - d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 35 của Điều lệ Công ty sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 13 Điều 26 Điều lệ Công ty.
14. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp có mặt.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc các hình thức khác theo quy định khoản này được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực như các quyết định được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

#### **Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Thời gian, địa điểm họp;
  - c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

### Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
  - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
  - b) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;
  - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

### Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

### Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với



Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

- Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan.

### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

## **CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai nhất trí thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy Chế Quản Trị này.

Trường hợp các nội dung tại Quy chế này không phù hợp hoặc mâu thuẫn với những nội dung tại Điều lệ Công ty, các nội dung tại Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.

Trong trường hợp có các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hay Điều lệ Công ty hoặc trong trường hợp có các quy định mới của pháp luật khác với các điều khoản trong Quy chế này dẫn đến việc các quy định tại Quy chế vi phạm những quy định mới của pháp luật thì các quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty thay cho các quy định tại Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**VŨ ĐÌNH ĐỘ**

Số: 10/2021/TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 09 tháng 07 năm 2021

## TỜ TRÌNH

(V/v: Miễn nhiệm và Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty)

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai;
- Trên cơ sở Đơn đề nghị của Ông Brandon Marc Courban;
- Trên cơ sở Đơn đề nghị của bà Phan Thị Thu Thảo.

Vừa qua, Ông Brandon Marc Courban – thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (“Công ty”) nhiệm kỳ 2017 – 2022 đã gửi văn bản đề nghị về việc xin thôi giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị của mình tới Công ty và Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”).

Ngày 09/07/2021, Bà Phan Thị Thu Thảo – thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017 – 2022 đã gửi văn bản đề nghị về việc xin thôi giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị của mình tới Công ty và ĐHCĐ.

Vi vậy, để đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) không bị ảnh hưởng, trên cơ sở phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật liên quan, đồng thời đáp ứng nhu cầu quản trị điều hành trong giai đoạn sắp tới, HĐQT kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2017 – 2022 như sau:

### 1. Miễn nhiệm thành viên HĐQT:

- 1.1. Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT độc lập của Công ty đối với Ông Brandon Marc Courban từ ngày 31/03/2021.
- 1.2. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT của Công ty đối với Bà Phan Thị Thu Thảo kể từ thời điểm được ĐHCĐ thông qua.

### 2. Bầu bổ sung thành viên HĐQT:

- 2.1. Số lượng thành viên được bầu: 02 thành viên, gồm 01 thành viên HĐQT và 01 thành viên HĐQT độc lập.
- 2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện ứng viên thành viên HĐQT của Công ty
  - Ứng viên HĐQT phải đáp ứng được các điều kiện làm thành viên HĐQT và thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
  - Ứng viên tự ứng cử hoặc được đề cử bởi cổ đông/nhóm cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông/nhóm cổ đông có quyền đề cử và/hoặc ứng viên do HĐQT đương nhiệm đề cử theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

### 3. Danh sách ứng viên thành viên HĐQT



Danh sách ứng viên được tập hợp từ những người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện nêu trên và có đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định tại Thông báo của Hội đồng Quản trị về Phương thức đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị để bầu bổ sung tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021. Danh sách này sẽ được công bố tại Đại hội trước thời điểm bầu cử.

*Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



VŨ ĐÌNH ĐỘ



2581 - C.T.C.P.  
TY  
CỔ PHẦN  
NHỰA  
ĐỒNG NAI